

Số /ĐA-UBND

Vĩnh Linh, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

**Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch,
nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng
xã nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030**

I - THỰC TRẠNG, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Thực trạng

Xã Vĩnh Linh được thành lập trên cơ sở sáp nhập thị trấn Hồ Xá, xã Vĩnh Long và xã Vĩnh Chấp, có diện tích tự nhiên 90,37 km², dân số 27.240 người, sinh sống tại 15 thôn (từ 01/7/2026). Là địa bàn có không gian phát triển tương đối rộng, có vị trí trung tâm, khả năng liên kết thuận lợi, gồm các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thương mại - dịch vụ và các khu dân cư nông thôn. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, xã Vĩnh Linh có thêm điều kiện để tổ chức lại không gian phát triển, khai thác tốt hơn tiềm năng đất đai, lao động, hệ thống hợp tác xã, vùng sản xuất truyền thống và các lợi thế về kết nối thị trường.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông - lâm - ngư nghiệp bình quân hằng năm đạt khoảng 3,5%; tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân đạt 8.226 tấn; diện tích gieo trồng lúa cả năm bình quân ổn định 1.682,6 ha, năng suất bình quân đạt 50 tạ/ha; diện tích cây cao su ổn định 416,8 ha, cây hồ tiêu 118,1 ha. Cơ cấu cây trồng từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh; hằng năm duy trì mô hình cánh đồng mẫu lớn tại một số hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời bước đầu triển khai mô hình liên kết sản xuất lúa hữu cơ tại Hợp tác xã Thượng Hòa với quy mô hơn 10 ha.

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng trang trại, gia trại, từng bước chú trọng vệ sinh môi trường và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đến cuối nhiệm kỳ, toàn xã duy trì đàn trâu bò 1.841 con, đàn lợn 30.005 con, tổng đàn gia cầm 225.025 con, ong lấy mật 780 tổ. Lĩnh vực lâm nghiệp được quan tâm quản lý, bảo vệ; độ che phủ rừng trên địa bàn duy trì trên 35,74%; trồng mới 1.564 ha rừng tập trung, bình quân mỗi năm trồng được 312,8 ha; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng, chế biến lâm sản đạt 42.086 m³. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt được duy trì, sản lượng khai thác tự nhiên và nuôi trồng đạt khoảng 321 tấn/năm.

Công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ, hiệu quả. Theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025, trước sáp nhập toàn xã đã có 13 thôn được công nhận là thôn nông thôn mới kiểu mẫu, thị trấn Hồ Xá đạt chuẩn đô thị văn minh; 13 vườn hộ được công nhận vườn mẫu

nông thôn mới (đến trước 01/7/2025). Đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã là 1,21%, hộ cận nghèo 1,41% (tỷ lệ đối với khu vực nông thôn tỉnh Quảng Trị: hộ nghèo 4,7%, cận nghèo 4,12%).

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp của xã vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán, manh mún; việc tích tụ, tập trung đất nông nghiệp và phát triển vùng nguyên liệu chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa tập trung; liên kết chuỗi giá trị chưa thật sự bền vững; tỷ lệ sản xuất hữu cơ, theo hướng hữu cơ còn thấp; ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ giới hóa đồng bộ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng. Công tác xây dựng thương hiệu, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm còn chậm; thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp còn thấp; môi trường nông thôn có nơi chưa bảo đảm, nhất là trong chăn nuôi nông hộ, thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật, xử lý chất thải sản xuất nông nghiệp. Theo Bộ tiêu chí Nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 xã có 06/10 tiêu chí, 37/47 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn; các tiêu chí, chỉ tiêu đã đạt cần nguồn lực lớn để duy trì và nâng cao chất lượng. Ý thức tự vươn lên giảm nghèo bền vững của một bộ phận người dân còn hạn chế; còn trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển mới, việc tiếp tục duy trì phương thức sản xuất nhỏ lẻ sẽ khó tạo ra đột phá về năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và thu nhập của người dân. Đặc biệt, yêu cầu của thị trường hiện nay không chỉ dừng lại ở sản lượng mà còn đòi hỏi sản phẩm phải an toàn, sạch, có chứng nhận, có truy xuất nguồn gốc, có vùng nguyên liệu ổn định và có liên kết tiêu thụ bền vững. Vì vậy, tích tụ, tập trung đất nông nghiệp để hình thành các vùng sản xuất tập trung, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao là yêu cầu tất yếu, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành nông nghiệp hiện nay.

Mặt khác, giai đoạn 2026 - 2030, xã Vĩnh Linh đặt mục tiêu tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đạt 12 - 13%/năm; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,5 - 4,5%; đến năm 2030, tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 24,5 - 25,5% trong tổng giá trị sản xuất; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 98,45 triệu đồng; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 9.000 - 9.500 tấn; ổn định diện tích cao su, hồ tiêu; tổng đàn trâu bò đạt 2.000 - 2.200 con, đàn lợn 33.000 - 38.000 con, đàn gia cầm 200.000 - 250.000 con. Đây là những mục tiêu đòi hỏi ngành nông nghiệp phải được tổ chức lại theo hướng hiệu quả hơn, quy mô hơn và bền vững hơn.

Đồng thời, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 không chỉ là đầu tư hạ tầng mà còn đặt trọng tâm vào nâng cao thu nhập, tổ chức sản xuất, môi trường nông thôn, chất lượng đời sống, chuyển đổi số, phát triển kinh tế nông thôn, cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp và xây dựng cộng đồng nông thôn văn minh. Do đó, tái cơ cấu ngành nông nghiệp phải gắn chặt với xây dựng xã nông thôn

mới, giảm nghèo bền vững; phát triển sản xuất phải đi đôi với bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống người dân và phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư.

Từ những yêu cầu nêu trên, việc xây dựng và ban hành Đề án “Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030” là hết sức cần thiết. Đề án là cơ sở để UBND xã Vĩnh Linh cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; Nghị quyết của HĐND xã về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030; đồng thời làm căn cứ để huy động nguồn lực, phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá kết quả trong từng năm.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.
- Luật Đầu tư công; Luật Đất đai; Luật Xây dựng; Luật Đất đai; Luật Trồng trọt; Luật Chăn nuôi; Luật Lâm nghiệp; Luật Thủy sản; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Hợp tác xã năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;
- Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15;
- Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình MTQG giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;
- Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.
- Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026-2030.
- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với đẩy mạnh cơ giới hoá, hiện đại hoá sản xuất; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản bền vững theo định hướng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp số.
- Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.
- Chương trình hành động số 2872/CTHĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/3/2026 của Ban Chấp

hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với đẩy mạnh cơ giới hoá, hiện đại hoá sản xuất; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản bền vững theo định hướng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp số.

- Kế hoạch số 3223/KH-UBND ngày 02/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030.

- Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với đẩy mạnh cơ giới hoá, hiện đại hoá sản xuất; Phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Vĩnh Linh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Vĩnh Linh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

- Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030.

- Nghị quyết số 03-NQ/ĐU ngày 06/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Linh về tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch có liên quan của địa phương.

III - QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Quan điểm

- Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, cải thiện thu nhập và đời sống Nhân dân.

- Phát triển nông nghiệp phải theo hướng sinh thái, hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, nước, lao động và bảo vệ môi trường; lấy chất lượng, hiệu quả và tính bền vững làm mục tiêu xuyên suốt.

- Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất; khuyến khích các hình thức cho thuê đất, góp quyền sử dụng đất, liên kết sản xuất, dồn điền đổi thửa và hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn.

- Người dân là chủ thể của quá trình phát triển; hợp tác xã là hạt nhân tổ chức sản xuất; doanh nghiệp là động lực thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị; Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, định hướng, hỗ trợ và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp phải gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn, hiện đại; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương; phát triển mạnh nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; tăng giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích; nâng cao thu nhập, đời sống của người dân; góp phần xây dựng xã Vĩnh Linh đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2026 - 2030, hướng đến xây dựng xã nông thôn mới hiện đại.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Đảm bảo tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp bình quân đạt 4 - 5%/năm. Trong đó tập trung vào các mục tiêu cụ thể sau:

a) Về tích tụ, tập trung đất nông nghiệp

- Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp mỗi năm tăng thêm 30 - 40 ha; đến cuối năm 2030 đạt trên 300 ha¹.

- Đến năm 2030 hình thành ít nhất: 02 vùng sản xuất lúa tập trung quy mô từ 20 ha trở lên; 01 vùng sản xuất rau an toàn, hữu cơ quy mô từ 02 ha trở lên; 01 vùng chăn nuôi an toàn sinh học tập trung.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất theo hình thức liên kết đạt trên 30% diện tích sản xuất nông nghiệp.

b) Về trồng trọt

- Duy trì ổn định diện tích 1.682,6 ha lúa 2 vụ.

- Phát triển vùng lúa chất lượng cao đạt từ 500 ha trở lên.

- Mở rộng diện tích lúa hữu cơ và theo hướng hữu cơ đạt từ 100 ha trở lên.

¹ Các giai đoạn trước đã tích tụ, tập trung được 116ha gồm: HTX Thượng Hòa 30ha; HTX Sa Trung 25ha; HTX Phúc Lâm 61ha; giai đoạn 2026-2030 đăng ký 385ha, gồm: HTX Thượng Hòa 120ha; HTX Sa Trung 175ha; HTX Nam Hồ 20ha; HTX Gia Lâm 70ha

- Duy trì ổn định diện tích cây cao su 416,8 ha, diện tích hồ tiêu 118,1 ha.

c) Về chăn nuôi

- Tổng đàn trâu bò đạt 2.000 - 2.200 con; đàn lợn đạt 33.000 - 38.000 con; đàn gia cầm đạt 200.000 - 250.000 con.
- 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn áp dụng quy trình an toàn sinh học.
- 100% chất thải chăn nuôi được thu gom, xử lý theo quy định.

d) Về lâm nghiệp

- Giữ vững độ che phủ rừng đạt trên 35,74%.
- Trồng mới từ 200 - 250 ha rừng tập trung mỗi năm.

e) Về thủy sản

- Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản từ 145 - 150 ha.
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đạt từ 350 - 400 tấn/năm.
- Hình thành ít nhất 01 mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

f) Về nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ

- Phân đầu 100ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ có sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ hoặc tương đương.
- 100% đơn vị tham gia chuỗi liên kết có truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm chủ lực.
- Ít nhất 70% hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất.
- Đến năm 2030 có 07-09 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

g) Về thu nhập, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững

- Thu nhập bình quân khu vực nông thôn tăng tối thiểu 1,5 lần so với năm 2025.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1%.
- Hoàn thành 10/10 tiêu chí nông thôn mới, xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2027; tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí theo hướng bền vững, từng bước xây dựng xã nông thôn mới hiện đại sau năm 2030.
- Có từ 90% số thôn trở lên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; hoàn thành chỉ tiêu mô hình thôn thông minh theo Bộ tiêu chí NTM 2026-2030.

3. Định hướng phát triển các vùng sản xuất tập trung

3.1. Vùng sản xuất lúa chất lượng cao

- Tiếp tục duy trì và mở rộng các vùng sản xuất lúa tập trung hiện có tại các Hợp tác xã Thượng Hòa, Sa Trung, Nam Hồ và các đơn vị có điều kiện thuận lợi về đất đai, thủy lợi và giao thông nội đồng như Gia Lâm, Phúc Lâm.

- Đẩy mạnh sử dụng các giống lúa chất lượng cao, giống lúa có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu; áp dụng đồng bộ cơ giới hóa, quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng phân bón hữu cơ, giảm phát thải khí nhà kính.

- Khuyến khích doanh nghiệp liên kết với hợp tác xã và người dân để xây dựng các vùng nguyên liệu ổn định, thực hiện bao tiêu sản phẩm theo hợp đồng.

3.2. Vùng sản xuất lúa hữu cơ

- Tiếp tục phát huy kết quả mô hình lúa hữu cơ tại Hợp tác xã Thượng Hòa; từng bước mở rộng sang các vùng sản xuất có điều kiện phù hợp tại Sa Trung, Nam Hồ và các địa bàn khác.

- Áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ, sử dụng phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và chứng nhận sản phẩm theo quy định.

3.3. Vùng cây công nghiệp

- Ổn định diện tích cao su và hồ tiêu hiện có; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Khuyến khích áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước, quản lý dinh dưỡng hợp lý, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ.

- Từng bước xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

3.4. Vùng chăn nuôi tập trung

- Khuyến khích phát triển các cơ sở chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học, bảo đảm khoảng cách môi trường theo quy định.

- Ưu tiên phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm theo hướng trang trại, gia trại²; phát triển đàn bò thịt chất lượng cao.

- Từng bước giảm dần các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ không bảo đảm điều kiện môi trường trong khu dân cư.

3.5. Vùng lâm nghiệp

- Phát triển rừng sản xuất theo hướng bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

- Khuyến khích phát triển rừng gỗ lớn, rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững; liên kết giữa hộ trồng rừng và doanh nghiệp chế biến lâm sản.

- Kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

3.6. Vùng nuôi trồng thủy sản

- Ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có; tập trung nâng cao hiệu quả

² Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao Vĩnh Chấp diện tích quy hoạch 37,0268ha

sử dụng mặt nước.

- Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi thủy sản thâm canh, bán thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học và thân thiện môi trường.

IV - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và của xã về phát triển nông nghiệp, nông thôn; phổ biến các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tích tụ đất đai, phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Tuyên truyền sâu rộng các mô hình sản xuất hiệu quả trong và ngoài địa phương; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình cánh đồng lớn, sản xuất hữu cơ, chăn nuôi an toàn sinh học, kinh tế tuần hoàn, kinh tế trang trại, hợp tác xã kiểu mới.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, các tổ chức chính trị - xã hội và hệ thống truyền thanh cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia tích tụ đất đai, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

Biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

2. Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung

- Tổ chức rà soát hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn toàn xã; xây dựng cơ sở dữ liệu đất sản xuất nông nghiệp, xác định cụ thể từng vùng có khả năng tích tụ, tập trung đất đai.

- Hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện các phương án: Dồn điền đổi thửa; cho thuê quyền sử dụng đất; góp quyền sử dụng đất vào hợp tác xã; liên kết sản xuất giữa hộ dân và doanh nghiệp; chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; cải tạo ruộng sau dồn điền đổi thửa.

- Tập trung ưu tiên các khu vực có điều kiện thuận lợi về giao thông nội đồng, thủy lợi, khả năng cơ giới hóa và liên kết sản xuất như Thượng Hòa, Sa Trung, Gia Lâm, Nam Hồ.

- Hỗ trợ các HTX xây dựng Đề án tích tụ đất đai cụ thể đối với từng vùng sản xuất; từng bước hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến và tiêu thụ.

- Vận động các hộ không còn nhu cầu sản xuất cho thuê đất hoặc góp đất để phát triển sản xuất tập trung.

- Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ giao thông nội đồng, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất tại các vùng tích tụ đất đai.

Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp và định hướng tích tụ, tập trung đất nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 đối với các HTX nông nghiệp theo Phụ lục 1 đính kèm.

3. Phát triển trồng trọt theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ

3.1. Đối với sản xuất lúa

- Tiếp tục duy trì diện tích lúa ổn định 1.682,6 ha/năm; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.
- Phát triển vùng lúa chất lượng cao; mở rộng diện tích liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm.
- Tiếp tục mở rộng mô hình lúa hữu cơ, lúa theo hướng hữu cơ tại Hợp tác xã Thượng Hòa, Sa Trung, Nam Hồ và các địa phương có điều kiện phù hợp.
- Ứng dụng đồng bộ cơ giới hóa trong các khâu làm đất, gieo sạ, chăm sóc, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy bay không người lái và thu hoạch.
- Khuyến khích áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến như: 1 phải 5 giảm; 3 giảm 3 tăng; quản lý dịch hại tổng hợp (IPM); tưới tiết kiệm; giảm phát thải khí nhà kính.
- Xây dựng mã số vùng trồng, hệ thống truy xuất nguồn gốc, nhãn hiệu tập thể đối với sản phẩm lúa chất lượng cao và lúa hữu cơ.

3.2. Đối với cây cao su

- Ổn định diện tích khoảng 416,8 ha. Thực hiện tái canh các diện tích già cỗi, kém hiệu quả; áp dụng quy trình chăm sóc tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng mủ.
- Khuyến khích các hình thức liên kết với doanh nghiệp chế biến nhằm ổn định đầu ra sản phẩm.

3.3. Đối với cây hồ tiêu

- Duy trì diện tích khoảng 118,1 ha. Tập trung phục hồi các diện tích tiêu suy giảm năng suất; ứng dụng kỹ thuật canh tác hữu cơ, sinh học; sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm vi sinh.
- Xây dựng vùng sản xuất hồ tiêu an toàn, tiến tới chứng nhận VietGAP và hữu cơ.

3.4. Đối với cây trồng khác

- Khuyến khích chuyển đổi các diện tích đất sản xuất kém hiệu quả sang cây trồng có giá trị kinh tế cao.
- Phát triển các vùng rau an toàn, cây ăn quả, cây dược liệu, cây thực phẩm phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng từng địa bàn.
- Hỗ trợ xây dựng mô hình nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tiết kiệm, sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

4. Phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, tuần hoàn, thân thiện môi trường

- Ổn định và phát triển tổng đàn vật nuôi. Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư; áp dụng quy trình an toàn sinh học.
- Tăng cường quản lý giống vật nuôi; phát triển đàn bò chất lượng cao, đàn lợn hướng nạc, gia cầm chất lượng.
- Thực hiện tốt công tác tiêm phòng, giám sát dịch bệnh, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.
- Hỗ trợ phí kiểm soát giết mổ (trong 12 tháng đầu kể từ khi đi vào hoạt động) cho chủ cơ sở giết mổ tập trung xây mới đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.
- Đảm bảo 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn phải có hệ thống xử lý chất thải đạt quy định.
- Khuyến khích áp dụng mô hình: Hàm biogas; đệm lót sinh học; ủ phân hữu cơ; Chăn nuôi tuần hoàn.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu chăn nuôi; thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi.

5. Phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao giá trị kinh tế rừng

- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng.
- Tiếp tục trồng mới từ 200 - 250 ha rừng tập trung hằng năm.
- Chuyển dần từ kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn.
- Phát triển rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC).
- Hỗ trợ một số hoạt động đầu tư trồng rừng gỗ lớn thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất trên địa bàn (về đối tượng, điều kiện, nguyên tắc, nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị).
- Khuyến khích liên kết giữa người trồng rừng với doanh nghiệp chế biến gỗ.
- Phát triển các mô hình kinh tế dưới tán rừng như: Trồng cây dược liệu; nuôi ong lấy mật; chăn nuôi dưới tán rừng; du lịch sinh thái cộng đồng.
- Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng; đầu tư trang thiết bị và xây dựng lực lượng bảo vệ rừng cơ sở.

6. Phát triển thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững

- Duy trì ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản từ 145 - 150 ha; sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đạt từ 350 - 400 tấn/năm.
- Tập trung cải tạo hệ thống ao hồ, vùng nuôi hiện có; đầu tư nâng cấp cơ sở

hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình: Nuôi cá nước ngọt thâm canh; nuôi cá ứng dụng công nghệ cao; nuôi thủy sản kết hợp sinh thái; nuôi thủy sản tuần hoàn.

- Tăng cường quản lý môi trường vùng nuôi; kiểm soát dịch bệnh; hướng dẫn người dân áp dụng quy trình sản xuất an toàn.

- Khuyến khích, hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm đặc trưng.

7. Phát triển kinh tế hợp tác, liên kết chuỗi giá trị

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp hiện có.

- Phấn đấu đến năm 2030: Có từ 05 đến 07 hợp tác xã hoạt động hiệu quả; có ít nhất 05 hợp tác xã liên kết tiêu thụ sản phẩm ổn định; có ít nhất 02 hợp tác xã ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý sản xuất.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản trị cho cán bộ hợp tác xã.

- Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng và chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Khuyến khích doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết với hợp tác xã và người dân. Ưu tiên các chuỗi liên kết đối với: Lúa chất lượng cao; lúa hữu cơ; hồ tiêu; cao su; chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm; thủy sản; lâm sản.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm chủ lực.

8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ sử dụng máy bay không người lái trong sản xuất; hệ thống tưới tự động; công nghệ nhà màng, nhà lưới; thiết bị cảm biến môi trường; công nghệ sinh học.

- Tăng cường áp dụng phần mềm quản lý sản xuất, nhật ký điện tử, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp xã trên cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp tỉnh; cơ sở dữ liệu đất nông nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

- Triển khai hệ thống số hóa vùng sản xuất tập trung, vùng chăn nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích, hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ thể OCOP, hộ sản xuất tham gia các sàn thương mại điện tử.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đối với

lĩnh vực nông nghiệp.

9. Phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững

- Phát triển nông nghiệp theo hướng xanh, sạch, bền vững; bảo vệ môi trường; góp phần hoàn thiện và giữ vững các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Đẩy mạnh sử dụng phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học; giảm dần việc sử dụng hóa chất trong sản xuất.

- Xây dựng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, phối kết hợp với Công ty cổ phần tập đoàn Quế Lâm để thực hiện các mô hình trên địa bàn; tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ và thức ăn chăn nuôi.

- Tăng cường thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật; chất thải chăn nuôi; phụ phẩm nông nghiệp; rác thải khu vực nông thôn.

- Triển khai các mô hình: Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; khu dân cư kiểu mẫu; vườn mẫu; mô hình sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển các sản phẩm OCOP gắn với phát triển kinh tế nông thôn; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm OCOP đã đăng ký mới giai đoạn 2026-2030 gồm: Bánh quy dừa, Gạo hữu cơ, Dầu lạc nguyên chất, Mật ong nguyên chất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

- Huy động và tranh thủ nguồn vốn từ Dự án “Cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển toàn diện cho các hộ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Quảng Trị” (gồm 29,5km kênh mương nội đồng, 20,8km đường nội đồng) để phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp phục vụ sản xuất, liên kết vùng, từng bước hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí về thủy lợi, giao thông nội đồng theo Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, sản xuất và dịch vụ nông thôn, thúc đẩy và tạo đột phá về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; tăng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, gắn hoạt động cho vay với hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, cá nhân, cộng đồng trên tinh thần tự nguyện.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN

Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: 35.450 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ (bao gồm các chương trình MTQG):

18.525 triệu đồng.

- Ngân sách xã: 8.450 triệu đồng (nguồn kinh phí dựa trên Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 được duyệt; nguồn tăng thu ngân sách xã hàng năm và các nguồn NS khác).

- Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh: 4.675 triệu đồng.

- Nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác: 3.800 triệu đồng.

2. Cơ chế huy động

- Chủ động cập nhật các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh liên quan đến tích tụ, tập trung đất nông nghiệp và phát triển vùng nguyên liệu để khuyến khích, hỗ trợ thực hiện chủ trương tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu sản xuất đồng thời điều chỉnh giải pháp cụ thể về nguồn vốn trong từng năm, giai đoạn.

- Ưu tiên lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác để thực hiện Đề án.

- Khuyến khích xã hội hóa đầu tư; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người dân, hợp tác xã tiếp cận các nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất.

VII. CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, BÁO CÁO

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm.

- Sơ kết giữa kỳ vào năm 2028.

- Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện vào cuối năm 2030.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án; phối hợp với Phòng Kinh tế báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm; báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Thời gian: Thường xuyên, đột xuất.

2. Phòng Kinh tế xã

a) Là cơ quan thường trực tham mưu thực hiện Đề án. Tham mưu UBND xã hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực, xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án ưu tiên thực hiện.

- Sản phẩm: Các Kế hoạch hằng năm; Kế hoạch điều chỉnh.

- Thời gian: Thường xuyên, đột xuất.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cân đối, bố

trí nguồn vốn thực hiện Kế hoạch. Lồng ghép các nguồn vốn: ngân sách, chương trình mục tiêu, xã hội hóa. Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định.

- Sản phẩm: Kế hoạch phân bổ vốn hàng năm; Báo cáo quyết toán, giám sát tài chính.

- Thời gian: Hàng năm.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã tổ chức tuyên truyền, chuyển giao khoa học kỹ thuật; hướng dẫn sản xuất; hỗ trợ xây dựng mô hình; thực hiện công tác kiểm soát giết mổ, phòng chống dịch bệnh động vật; phối hợp triển khai các chương trình phát triển chăn nuôi.

- Sản phẩm: Tin bài tuyên truyền; Báo cáo công tác chăn nuôi, thú y; tham mưu tổng hợp Báo cáo thực hiện các mô hình.

- Thời gian: Thường xuyên, đột xuất

4. Các hợp tác xã nông nghiệp chủ động xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh sát đúng với tình hình thực tế của HTX; bám sát các nội dung định hướng của Đảng ủy, UBND xã về phát triển kinh tế tập thể và Đề án này; tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ nông nghiệp cho thành viên đảm bảo sự hài lòng của thành viên; chủ động liên kết với doanh nghiệp; xây dựng vùng nguyên liệu và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm.

- Sản phẩm: Phương án sản xuất, kinh doanh; Phiếu ý kiến hài lòng của thành viên; Hợp đồng liên kết giữa HTX với doanh nghiệp.

- Thời gian: Hàng năm, giai đoạn.

5. Các thôn chủ trì, phối hợp với UBND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch tại địa bàn; phối hợp với các phòng ban chuyên môn tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Đề án; rà soát hiện trạng đất đai, vùng sản xuất; phối hợp triển khai các mô hình sản xuất trên địa bàn.

- Sản phẩm: Báo cáo kết quả thực hiện Đề án tại thôn.

- Thời gian: Thường xuyên.

6. Đề nghị UBMTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận, tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

- Khuyến khích Nhân dân tham gia đóng góp ngày công lao động, hiến đất, tài sản hợp pháp và các nguồn lực khác để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định.

- Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực và triển khai các công trình, dự án trên địa bàn.

- Gắn việc thực hiện Đề án với các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Thực hiện tốt công tác khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích nổi bật, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

Sản phẩm: Báo cáo giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện, ý kiến Nhân dân.

Thời gian: Thường xuyên.

IX. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND tỉnh, các sở, ngành quan tâm bố trí nguồn vốn hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển vùng sản xuất tập trung, hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

2. Đề nghị các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao khoa học công nghệ, xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao.

3. Đề nghị các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn phát triển sản xuất.

4. Đề nghị các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã.

X. KẾT LUẬN

Giai đoạn 2026 - 2030 là thời kỳ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quá trình phát triển của xã Vĩnh Linh sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Bên cạnh những thời cơ mới về không gian phát triển, nguồn lực và khả năng liên kết vùng, xã cũng đang đứng trước những thách thức lớn như quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, yêu cầu ngày càng cao của thị trường đối với chất lượng nông sản, tác động của biến đổi khí hậu, dịch bệnh, sự cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm và yêu cầu xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới.

Việc xây dựng và triển khai Đề án tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng xã nông thôn mới, giảm nghèo bền vững không chỉ nhằm giải quyết những khó khăn, hạn chế trước mắt mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài, bền vững của địa phương. Đây là quá trình tổ chức lại sản xuất theo hướng hiện đại, từng bước thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang phát triển kinh tế nông nghiệp; lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống người dân làm mục tiêu xuyên suốt.

Thành công của Đề án đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân, sự chủ động của các hợp tác xã, tổ hợp tác và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp. Trong đó, người dân giữ vai trò trung tâm, là chủ thể trực tiếp tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển; hợp tác xã là cầu nối

tổ chức sản xuất; doanh nghiệp là nhân tố thúc đẩy liên kết, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm; chính quyền địa phương thực hiện tốt vai trò kiến tạo, định hướng và hỗ trợ phát triển.

Trong quá trình tổ chức thực hiện cần bảo đảm nguyên tắc phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng lĩnh vực; gắn phát triển sản xuất với bảo vệ tài nguyên, môi trường; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn các giá trị văn hóa, cảnh quan nông thôn; giữa mục tiêu tăng trưởng với mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Đồng thời, chú trọng huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo để tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Với quyết tâm chính trị cao của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn xã, cùng với sự quan tâm hỗ trợ của các cấp, các ngành, Đề án sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân; góp phần xây dựng xã Vĩnh Linh trở thành địa phương có nền nông nghiệp phát triển bền vững, nông thôn khang trang, môi trường xanh - sạch - đẹp, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, NN&MT, Xây dựng; KH&CN;
- BTV Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã;
- Các HTX nông nghiệp;
- Các thôn;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Tùng

PHỤ LỤC 01
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ ĐỊNH HƯỚNG TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2026-2030
ĐỐI VỚI CÁC HTX NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Vĩnh Linh)

TT	Thôn/HTX	Diện tích đất nông nghiệp hiện có (ha)	Diện tích lúa (ha)	Cao su (ha)	Hồ tiêu (ha)	Thủy sản (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đã tích tụ các giai đoạn trước (ha)	Diện tích dự kiến tích tụ giai đoạn 2026-2030 (ha)	Định hướng sản xuất sau tích tụ
1	HTX Thượng Hòa	208	150,3	5	1,5	6	45	30	120	Lúa hữu cơ, lúa liên kết, lúa chất lượng cao
2	HTX Sa Trung	407	200	80	10	30	87	25	175	Lúa hữu cơ, lúa liên kết, lúa chất lượng cao
3	HTX Nam Hồ	177	110			10	57		20	Lúa theo hướng hữu cơ, lúa chất lượng cao, liên kết
4	HTX Lai Bình	137	76	15	5	25	15,5			Lúa chất lượng cao
5	HTX Bình An	255	120	50	15	4	66			Lúa chất lượng cao
6	HTX Chắp Lễ	142	65	0,5	1,5	20	55			Lúa chất lượng cao
7	HTX Phúc Lâm	73,3	61	3		4,3	5	61		Lúa liên kết, lúa chất lượng cao
8	HTX Gia Lâm	125	70	15		10	30		70	Lúa liên kết, lúa chất lượng cao
9	HTX Vĩnh Tiến	27	23			4				
10	HTX Quảng Xá	192	27,3	120	2,5	6,2	36			
Tổng cộng		1742,6	902,6	289	35,5	120	397	116	385 (≥300)	

Ghi chú:

- Tổng diện tích tích tụ, tập trung đất nông nghiệp đến năm 2030 đạt tối thiểu 300 ha.
- Ưu tiên các vùng sản xuất tập trung, có điều kiện thuận lợi về giao thông nội đồng, thủy lợi và liên kết sản xuất.

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC DỰ ÁN, MÔ HÌNH ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Vĩnh Linh)

Triệu đồng

TT	Tên dự án/mô hình	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Trong đó				Ghi chú
						NS TW, tỉnh	NS xã	Vốn HTX, DN, hộ KD	Vốn khác	
1	Hỗ trợ công tác tuyên truyền để dồn điền đổi thửa	300ha	Các HTX nông nghiệp	2026-2028	600	600				Theo NQ NĐND tỉnh
2	Hỗ trợ san phẳng đồng ruộng để thực hiện dồn điền đổi thửa, tạo cánh đồng lớn	300 ha	Các HTX nông nghiệp	2026-2030	6.000	3.000	1.500	1.500		Theo NQ NĐND tỉnh
3	Hỗ trợ cải tạo ruộng sau dồn điền đổi thửa	300 ha	Các HTX nông nghiệp	2026-2030	3.000		1.000	1.000	1.000	Vốn khác (xã hội hóa); hỗ trợ phân bón, vôi,...
4	Hỗ trợ kinh phí đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau dồn điền, đổi thửa	300 ha	Thành viên các HTX nông nghiệp	2027-2030	7.200	7.200				Theo NQ NĐND tỉnh
5	Hỗ trợ giống, phân bón vùng sản xuất lúa theo hướng hữu cơ	100 ha	Các HTX nông nghiệp	2026-2030	1.700	850		850		hỗ trợ 3 vụ liên tiếp trên một diện tích SX
6	Xây dựng hệ thống giao thông nội đồng	29,555 km	Các vùng sản xuất	2026-2030						Vốn vay IFAD; có dự án riêng
7	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	20,786 km	Các vùng sản xuất	2026-2030						Vốn vay IFAD; có dự án riêng

8	Xây dựng trạm bơm và hệ thống kênh dẫn phục vụ vùng SX lúa hữu cơ Thượng Hòa	01 trạm bơm; 1-2km kênh dẫn	Gần khu vực cầu Thượng Hòa	2026-2028	4.000	2.000	2.000			TB lưu lượng khoảng 300-500m ³ /h; 1-2km kênh dẫn bê tông; Theo NQ NĐND tỉnh
9	Hỗ trợ máy sấy, máy xay xát lúa gạo	01 máy sấy, 01 máy xay xát	HTX Sa Trung	2027-2028	550	275		275		Máy sấy 400 triệu đồng; máy xay xát 150 triệu đồng; Theo NQ NĐND tỉnh
10	Hỗ trợ máy cấy lúa hữu cơ	03 cái	Thượng Hòa, Sa Trung, Nam Hồ	2027-2028	1.200	600	300	300		Theo NQ NĐND tỉnh
11	Hỗ trợ mô hình sử dụng máy bay không người lái	300 ha	Các HTX nông nghiệp	2026-2030	3.000	1500	750	750		HTX Nam Hồ; HTX Lai Bình; HTX Bình An; HTX Gia Lâm; HTX Phúc Lâm; Theo NQ NĐND tỉnh
12	Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, cấp mã số vùng trồng và chứng nhận quản lý chất lượng sản phẩm, kiểm soát giết mổ	Các sản phẩm chủ lực, cơ sở giết mổ tập trung xây mới	Các HTX, chủ thể OCOP, tổ chức, cá nhân	2026-2030	1.500	1.500				Theo NQ NĐND tỉnh
13	Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sự kiện xúc tiến thương mại, thiết kế mẫu mã, bao bì sản phẩm và in ấn bao bì, tem, nhãn sản phẩm, giới thiệu và bán sản	Các HTX, chủ thể OCOP, tổ chức, cá nhân	Các HTX, chủ thể OCOP, tổ chức, cá nhân	2026-2030	1.000	1.000				Theo NQ NĐND tỉnh

	phẩm OCOP,...)									
14	Hỗ trợ mô hình chăn nuôi lợn an toàn sinh học	02 cơ sở	Toàn xã	2026-2030	2.000		1.000		1.000	Vốn khác (hộ chăn nuôi)
15	Hỗ trợ mô hình chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học	03 cơ sở	Toàn xã	2026-2030	1.800		900		900	Vốn khác (hộ chăn nuôi)
16	Hỗ trợ mô hình nuôi cá ứng dụng công nghệ cao	01 ha, 01 mô hình	01 mô hình	2027-2030	1.000		500		500	Vốn khác (hộ chăn nuôi)
17	Hỗ trợ xây dựng mới sản phẩm OCOP	04 sản phẩm	Toàn xã	2026-2030	400		200		200	Vốn khác (Chủ thể OCOP)
18	Hỗ trợ mô hình rau an toàn VietGAP	02 ha	01 mô hình	2027-2030	500		300		200	Vốn khác (hộ trồng trọt)
	Tổng cộng				35.450	18.525	8.450	4.675	3.800	

Tổng kinh phí dự kiến: 35.450 triệu đồng.

PHỤ LỤC 03
LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Vĩnh Linh)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Diện tích tích tụ đất nông nghiệp lũy kế	ha	166	216	286	356	416
Lúa hữu cơ và theo hướng hữu cơ	ha	10	40	60	80	100
Lúa chất lượng cao liên kết	ha	315	365	415	465	515
HTX tham gia chuỗi liên kết	HTX	3	5	7	10	10
Mã số vùng trồng được cấp	vùng	0	2	3	4	5
Cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học (trang trại quy mô lớn)	cơ sở	0	1	2	3	4
Chất thải chăn nuôi được xử lý	%	80	85	90	95	100
Diện tích rừng tập trung trồng mới mỗi năm	ha	200-250	200-250	200-250	200-250	200-250
Sản phẩm OCOP	sản phẩm	6	7	8	9	9
Thu nhập bình quân khu vực nông thôn	triệu đồng/người/năm	80,3	87,6	94,9	102,2	≥109,5
Tỷ lệ diện tích sản xuất có truy xuất nguồn gốc	%	20	40	60	80	100

Nhiệm vụ trọng tâm từng năm:

Năm 2026:

- Hoàn thành rà soát hiện trạng đất nông nghiệp.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu vùng sản xuất.
- Triển khai các mô hình điểm tích tụ đất đai.

Năm 2027:

- Mở rộng các mô hình liên kết sản xuất.
- Triển khai mã số vùng trồng.
- Mở rộng lúa hữu cơ.

Năm 2028:

- Hoàn thiện hạ tầng vùng sản xuất tập trung.
- Mở rộng cơ giới hóa và chuyển đổi số.

Năm 2029:

- Đánh giá giữa kỳ; điều chỉnh các chỉ tiêu cần thiết.
- Hoàn thiện chuỗi liên kết sản xuất.

Năm 2030:

- Hoàn thành các mục tiêu Đề án.
- Tổng kết, đánh giá và xây dựng định hướng giai đoạn tiếp theo.